

Bản án số: 582/2018/DS-ST

Ngày: 21-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hà

Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 491/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 417/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT; địa chỉ trụ sở: đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Tâm Đ, sinh năm 1991; địa chỉ liên lạc: cư xá Ta, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 920/2018/UQ-TTT ngày 21/6/2018 và số 4213/2017/GUQ-PL ngày 28/12/2017), (Xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị T H, sinh năm 1978; cư trú tại: Số 211/45, đường L, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2018 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Tâm Đ trình bày:

Ngày 14/6/2013, bà Võ Thị T H ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng TMCP SGTT đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Võ Thị T H với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Võ Thị T H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Do bà Võ Thị T H không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Võ Thị T H đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 7.200.000 đồng, sau đó bà Võ Thị T H không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Ngân hàng TMCP SGTT đã nhiều lần nhắc nhở bà Võ Thị T H trả nợ còn lại nhưng bà Võ Thị T H vẫn không trả. Do bà Võ Thị T H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 06/02/2015, Ngân hàng TMCP SGTT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo đối chiếu bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng, bà Võ Thị T H còn nợ Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền 17.848.587 đồng (trong đó nợ gốc là 7.121.677 đồng, nợ lãi là 10.726.910 đồng).

Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện bà Võ Thị T H và yêu cầu bà phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT các khoản nợ tính đến ngày 25/5/2018 như sau:

- Nợ gốc: 7.121.677 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 10.726.910 đồng;
- Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 17.848.587 đồng.

Kể từ ngày 26/5/2018, bà Võ Thị T H vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến ngày bà Võ Thị T H thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/6/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Võ Thị T H tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Võ Thị T H không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của bà Võ Thị T H cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Sau khi được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng TMCP SGTT đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Võ Thị T H theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Võ Thị T H có vay tiền qua sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT có giấy đề nghị kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, do đó có cơ sở xác định giữa bà Võ Thị T H và Ngân hàng TMCP SGTT có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bà Võ Thị T H không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện. Bà Võ Thị T H cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự triệu tập bà Võ Thị T H tới Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà Võ Thị T H vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho bà Võ Thị T H, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị T H vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Võ Thị T H.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 14/6/2013 được ký giữa bà Võ Thị T H với Ngân hàng TMCP SGTT cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngân hàng TMCP SGTT đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Võ Thị T H với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Võ Thị T H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Do bà Võ Thị T H không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Võ Thị T H đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 7.200.000 đồng, sau đó bà Võ Thị T H không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Ngân hàng TMCP SGTT đã nhiều lần nhắc nhở bà Võ Thị T H trả nợ còn lại nhưng bà Võ Thị T H vẫn không trả. Do bà Võ Thị T H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 06/02/2015, Ngân hàng TMCP SGTT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, bà Võ Thị T H đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/5/2018 như trên và tiền nợ lãi phát sinh sau đó trên nợ gốc còn nợ cho đến khi trả hết vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng 14/6/2013.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài*

khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất và phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/6/2013 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà Võ Thị T H vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT. Cần buộc bà Võ Thị T H phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/5/2018 là 17.848.587 đồng (trong đó nợ gốc là 7.121.677 đồng, nợ lãi là 10.726.910 đồng); kể từ ngày 26/5/2018, bà Võ Thị T H vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến ngày bà Võ Thị T H thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/6/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng); thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận nên bà Võ Thị T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 892.429 đồng đối với khoản nợ mà bà Võ Thị T H phải trả là 17.848.587 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 446.214 đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT theo biên lai thu số AA/2017/0029645 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 361, 305, 471, Điều 474, 468 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT.

- Buộc bà Võ Thị T H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/5/2018 là 17.848.587 (Mười bảy triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/6/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), trong đó nợ gốc là 7.121.677 (Bảy triệu một trăm hai mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi bảy) đồng, nợ lãi quá hạn là 10.726.910 (Mười triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười) đồng.

Kể từ ngày 26/5/2018, bà Võ Thị T H vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày bà Võ Thị T H thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 14/6/2013.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên mà bà Võ Thị T H không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT thì Ngân hàng TMCP SGTT được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 892.429 (Tám trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín) đồng đối với khoản nợ mà bà Võ Thị T H phải trả là 17.848.587 (Mười bảy triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng.

Ngân hàng TMCP SGTT được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 446.214 (Bốn trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm mười bốn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0029645 ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT, bị đơn bà Võ Thị T H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự
- Lưu: VP, HS (Thoa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám

